

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hồng Tư
2. Ông Đào Văn Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, chị A trình bày: Chị a và anh B xây dựng hôn nhân năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148/2014, quyển số 01/2014 ngày 26/11/2014. Chị A và anh B chung sống có một con chung tên C, sinh ngày 18/8/2015, hiện nay đang sống chung với chị tại ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng chị chung sống từ năm 2014 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng chị chung sống với cha mẹ chị và chỉ đi làm thuê, thu nhập chỉ đủ trang trải cuộc sống hàng ngày nên không tạo lập được tài sản chung. Vợ

chồng chị cũng không thiếu nợ ai, không vay tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức tín dụng và ngân hàng nào, cũng không ai thiếu tiền hay tài sản của vợ chồng chị. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh B là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tuy là vợ chồng nhưng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, chị đã cho anh B nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh B vẫn không thay đổi, nay chị không còn tình cảm với anh B nữa từ đó vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 7/2020 đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn và ly thân, chị A và anh B không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm.

Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh B, không yêu cầu đoàn tụ; chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, sinh ngày 18/8/2015, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- *Tại bản tự khai ngày 15 tháng 10 năm 2020 và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn, anh B trình bày:* Anh B và chị A xây dựng hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2014. Anh B và chị A có một con chung tên C, sinh ngày 18/8/2015, hiện đang sống chung với chị A. Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy có xảy ra cự cãi nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và nghĩ tới con còn nhỏ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị A ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A ly hôn với anh B. Giao cháu C, sinh ngày 18/8/2015 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị A yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với anh B, hiện nay anh B cư trú tại ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị A và anh B có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B xây dựng hôn nhân năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148/2014, quyền số 01/2014 ngày 26/11/2014 nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 7 năm 2020 đến nay, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân chị A và anh B không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Tuy anh B xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy có xảy ra cự cãi nhưng anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ lẫn chồng, chị A cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết được ly hôn. Mặt khác, theo xác minh của trưởng ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và trưởng ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu đều xác nhận chị A và anh B đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau. Do vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị A và anh B có một con chung tên C, sinh ngày 18/8/2015, hiện nay đang sống chung với chị A tại ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chị A có yêu cầu nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa, anh B đồng ý giao con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị A ly hôn. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện ý kiến của chị A và anh B tiếp tục giao cháu C cho chị A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B xác định anh chị chung sống từ năm 2014 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, đi làm thuê chỉ đủ chi phí trang trải cuộc sống hàng ngày nên không tạo lập được tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 18/8/2015 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu C đang sống chung với chị A nên chị A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C.

Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp tạm ứng án phí

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008277 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên được chuyển thu án phí.

Chị A, anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Ủy ban nhân dân xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến